

Bản án số: **230/2023/HS-ST**
Ngày: 30-10-2023.

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thùy Dung
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đinh Ngọc Hùng
Ông Vũ Xuân Tuất

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Đoàn Bích Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 233/2023/HSST ngày 05 tháng 10 năm 2023, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 222/2023/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2023, đối với các bị cáo:

1/ NGÔ CÔNG T (tên gọi khác: Chuột T), sinh ngày 25/10/1990 tại tỉnh Đồng Nai.

Trú tại: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Không Trình độ học vấn: Không biết chữ

Dân tộc: Kinh Giới tính : Nam

Tôn giáo : Không Quốc tịch : Việt Nam

Con ông Ngô Văn T1 và bà Trần Thị Ánh .

Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

- Ngày 29/11/2016, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù về tội: “Cướp giật tài sản” theo bản án số 171/2016/HSST. Chấp hành hình xong phạt tù ngày 30/01/2019; đóng án phí hình sự sơ thẩm ngày 08/5/2018.

Bị bắt giam giữ từ ngày 21/6/2023. (Có mặt)

2/ NGUYỄN VĂN PH, sinh ngày 10/9/1996 tại tỉnh Khánh Hòa.

Trú tại: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Không Trình độ học vấn: 6/12

Dân tộc: Kinh Giới tính : Nam
Tôn giáo : Không Quốc tịch : Việt Nam
Con ông Nguyễn Văn T2 và bà Phan Thị T3.
Gia đình bị cáo có 04 anh em, bị cáo là con thứ hai.
Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: có 01, cụ thể:

- Ngày 14/7/2022, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 07 tháng tù về tội: “Đánh bạc” theo bản án số 123/2022/HS-ST. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 03/12/2022, chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm.

Tiền sự: Không

Nhân thân:

+ Ngày 04/6/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 41/2015/HSST. Chấp hành xong phạt tù ngày 03/02/2016, đóng án phí hình sự sơ thẩm ngày 20/8/2015.

+ Ngày 09/11/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 42/2018/HS-ST. Chấp hành xong phạt tù ngày 18/12/2019, đóng án phí hình sự sơ thẩm ngày 01/4/2019.

+ Ngày 15/5/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Vạn Ninh, tỉnh Khánh Hòa áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc theo Quyết định số 10/QĐ-TA.

Bị bắt giam giữ từ ngày 21/6/2023. (Có mặt)

3/ PHAN ĐỨC H (tên gọi khác: T4 đen), sinh ngày 04/02/1994 tại tỉnh Đồng Nai.

Trú tại: Ấp T, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Không Trình độ học vấn: 11/12

Dân tộc: Kinh Giới tính : Nam

Tôn giáo : Phật Quốc tịch : Việt Nam

Con ông Phan H và bà Nguyễn Thị T5.

Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: có 01 tiền án, cụ thể:

- Ngày 21/8/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 04 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 182/2020/HS-ST. Chấp hành xong phạt tù ngày 23/9/2021, chưa đóng án phí hình sự sơ thẩm và án phí án phí dân sự sơ thẩm.

Tiền sự: Không

Nhân thân:

+ Ngày 07/5/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù về tội: “Cố ý gây thương tích” theo bản án số 63/2015/HSST. Chấp hành xong phạt tù ngày 11/09/2017; nộp án phí hình sự sơ thẩm ngày 24/7/2015.

Bị bắt giam giữ từ ngày 21/6/2023. (Có mặt)

4/ NGUYỄN VIỆT THẮNG, sinh ngày 22/5/1992 tại tỉnh Đồng Nai.

Trú tại: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Nghề nghiệp: Làm thuê Trình độ học vấn: 7/12

Dân tộc: Kinh Giới tính : Nam

Tôn giáo : Thiên chúa Quốc tịch : Việt Nam

Con ông Nguyễn Văn T6 và bà Ngô Thị Phương T7.

Gia đình bị cáo có 04 chị em, bị cáo là con thứ hai.

Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt giam giữ từ ngày 21/6/2023. (Có mặt)

*** Bị hại: Bà Đỗ Thị P, sinh năm 1994**

Địa chỉ: Ấp S, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Trần Văn T8, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

2. Ông Nguyễn Văn T6, sinh năm 1965

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

*** Người làm chứng: Ông Vũ Văn S, sinh năm 1971**

(Ông T6 có mặt; Các đương sự khác vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ 30 phút, ngày 19/6/2023, Ngô Công T9 gặp Nguyễn Văn P1 đi cùng xe buýt từ thành phố B về Ngã ba T. Trong quá trình ngồi trên xe buýt thì T9 rủ P1 đi trộm cắp tài sản, P1 đồng ý. Sau khi xuống xe buýt ở Ngã ba T, T9 lấy xe đạp điện đã gửi tại nhà người dân trước đó rồi chở P1 đi đến phòng trọ của bạn T9 tên Trần Văn T8 ở ấp A, xã B để mượn xe mô tô biển số 51S6-8917. Đến khoảng 15 giờ, cùng ngày thì T9 điều khiển xe mô tô nói trên chở P1 đi đến trước nhà trọ của bà Đỗ Thị P ở ấp S, xã B thì thấy cổng của dãy nhà trọ không khóa, cửa nhà trọ của bà Đỗ Thị P khóa ngoài. Do T9 đã theo dõi nơi chị P cất giấu chìa khóa từ trước nên T9 lấy chìa khóa do bà P để trong chiếc giày ở kệ đựng giày trước cửa nhà trọ rồi mở cửa nhà trọ đi vào trong. Lúc này, P1 cũng đi theo T9 vào trong nhà trọ của bà P rồi cùng nhau lục tìm tài sản. Sau khi lục tìm, T9 và P1 không thấy tiền hay tài sản gì mà thấy trong phòng có 01 tủ lạnh hiệu Panasonic (Model: NR-BA229 màu đen) và 01 máy giặt hiệu Toshiba (Model: AW-K1005FV màu đen). Sau đó, T9 điều khiển xe mô tô đi ra ngoài gặp ông Vũ Văn S là người chạy xe ba gác, nói anh S vào chở tủ lạnh và máy giặt. Sau khi, T9 và P1 đưa tủ lạnh và máy giặt lên xe ba gác thì chỉ ông S chở về phòng trọ của Phan Đức H1 ở ấp A, xã B. Lúc này, T9 đi vào gặp H1 và

nói cho H1 biết đây là tài sản vừa trộm cắp được, cho gửi những tài sản này lại để tìm nơi bán và hứa sẽ chia tiền nên Hòa đồng ý.

Đến khoảng 16 giờ, cùng ngày, T9 trả xe mô tô biển số 51S6-8917 cho T8 rồi lấy xe đạp điện đi về nhà. Khi về đến nhà, T9 gặp Nguyễn Viết T10 đang điều khiển xe mô tô biển số 60K4-1494, nên T9 nhờ T10 chở T9 về phòng trọ của H1. Trong lúc T10 chở T9 đi đến phòng trọ của H1 thì T9 nói cho T10 biết mới trộm cắp được 01 tủ lạnh và 01 máy giặt đang gửi tại phòng trọ của H1. Khi đến phòng trọ của H1 thì T9, P1 và H1 bàn bạc với nhau: T9 cùng với T10 đi tìm nơi bán tủ lạnh và máy giặt thì tất cả đồng ý. T9 chở T10 đi tìm nơi tiêu thụ, còn H1 và P1 ở lại phòng trọ của H1.

Sau khi phát hiện bị mất tài sản, bà Đỗ Thị P đã trình báo sự việc đến Công an xã B. Quá trình xác minh đã xác định được Ngô Công T9, Nguyễn Văn P1, Phan Đức H1 và Nguyễn Viết T10 là những người thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Ngày 22/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trưng cầu định giá tài sản đối với các tài sản gồm: 01 tủ lạnh hiệu Panasonic (Model: NR-BA229 màu đen) và 01 máy giặt hiệu Toshiba (Model: AW-K1005FV, màu đen). Tại Bản kết luận số 73/KL-HĐĐGTS ngày 27/6/2023, Hội đồng định giá xác định các tài sản nói trên có tổng trị giá 11.990.000đ.

Ngày 29/6/2023, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với Ngô Công T9 và Nguyễn Văn P1 về tội: “Trộm cắp tài sản”; Phan Đức H1 về tội: “Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có” và Nguyễn Viết T10 về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” để điều tra.

Tại bản cáo trạng số 237/CT-VKSTB ngày 04/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom truy tố ra trước Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom để xét xử đối với các bị cáo Ngô Công T9 và Nguyễn Văn P1 về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Phan Đức H1 về tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự và bị cáo Nguyễn Viết T10 về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Áp dụng Điều 38; khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Ngô Công T9 mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù;

- Áp dụng Điều 38; khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn P1 mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù;

- Áp dụng Điều 38; khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phan Đức H1 mức án từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù;

- Áp dụng khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Nguyễn Việt T10 mức án tù từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng;

- Về xử lý vật chứng:

+ Đối với 01 tủ lạnh hiệu Panasonic (M: NR-BA229, màu đen) và 01 máy giặt hiệu Toshiba (Model: AW-K1005FV, màu đen), đây là những tài sản hợp pháp của bà Đỗ Thị P, nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định trả lại cho chủ sở hữu;

+ Đối với 01 xe mô tô hiệu Quicknewwave C110 biển số 60K4-1494, số máy LC150FMG01301359, số khung LWGXCHL01305701 trả lại cho ông Nguyễn Văn T6;

+ Đối với 01 xe mô tô hiệu Xiongshi C110 biển số 51S6-8917, số máy: 1P52FMH018012, số khung CDGWCH013DG018012 trả lại cho ông Trần Văn T8;

+ Đối với 01 xe đạp điện màu đỏ (đã qua sử dụng) là tài sản của Ngô Công T9 không sử dụng vào việc phạm tội, nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T trả lại cho bị cáo Ngô Công T9;

+ Đối với 01 điện thoại di động hiệu SamSung J2, màu trắng (không có sim) và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu vàng có gắn sim; 01 căn cước công dân mang tên Phan Đức H1 không sử dụng vào việc phạm tội, nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T trả lại cho bị cáo Phan Đức H1.

- Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại là bà Đỗ Thị P đã nhận lại 01 tủ lạnh hiệu Panasonic và 01 máy giặt hiệu Toshiba và không có yêu cầu bồi thường dân sự nào khác nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện. Hành vi, quyết định tố tụng, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng pháp luật.

[2] Các bị cáo Ngô Công T9, Nguyễn Văn P1, Phan Đức H1 và Nguyễn Việt T10 đều là những đối tượng có sử dụng ma túy và không có việc làm ổn định. Để có tiền tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng nên vào khoảng 15 giờ 00 phút, ngày 19/6/2023, các bị cáo Ngô Công T9, Nguyễn Văn P1 đã rủ nhau đi đến nhà trọ của bà Đỗ Thị P ở ấp S, xã B để trộm cắp tài sản. Lợi dụng việc bà P đi làm vắng nhà và bị cáo T9 biết được chỗ để chìa khóa nên đã lén lút vào

nhà trộm cắp được 01 tủ lạnh hiệu Panasonic (Model: NR-BA229 màu đen) và 01 máy giặt hiệu Toshiba (Model: AW-K1005FV màu đen), có tổng trị giá tài sản là 11.990.000đ. T9 và P1 thuê xe ba gác chở số tài sản này về phòng trọ của bị cáo H1, có nói về nguồn gốc tài sản vừa trộm cắp được và Hòa đồng ý cho gửi lại để tìm nơi bán. Sau đó, bị cáo T9 có nói cho bị cáo T10 biết mới trộm cắp được tài sản đang gửi tại phòng trọ và rủ bị cáo T10 đi tìm nơi tiêu thụ thì bị cáo T10 đồng ý. Do đó, các bị cáo Ngô Công T9, Nguyễn Văn P1 đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), bị cáo Phan Đức H1 đã phạm vào tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*” và bị cáo Nguyễn Viết T10 đã phạm vào tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác trái pháp luật, trật tự an toàn xã hội, gây mất trị an tại địa phương. Các bị cáo đều là những thanh niên đã trưởng thành nhưng vì lười lao động, thiếu ý thức tu dưỡng, rèn luyện đạo đức, vì muốn có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên đã bất chấp các quy định trừng phạt của pháp luật, quy tắc đạo đức xã hội, cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Trong khi bản thân các bị cáo T9, P1, H1 đã từng bị xét xử, phải đi chấp hành hình phạt tù nhưng vẫn tiếp tục phạm tội khi tái hoà nhập cộng đồng. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy cần phải có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo để nhằm răn đe, cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân sống biết tuân thủ pháp luật.

[4] Xét về vai trò, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1] Các bị cáo T9, P1 cùng thực hiện một hành vi phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm nhưng ở mức độ giản đơn. Bị cáo T9 là người khởi xướng, rủ rê, lôi kéo, trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội, tìm nơi cất giấu. Bị cáo P1 là đồng phạm có vai trò giúp sức, trực tiếp tham gia lực tìm tài sản trộm cắp trong nhà, khiêng tài sản lên xe chở về nơi cất giấu. Đồng thời, bị cáo T9 là người có nhân thân xấu, đã từng bị xét xử về tội “*Cướp giật tài sản*” theo bản án số 171/2016/HSST ngày 29/11/2016 của TAND huyện Trảng Bom; bị cáo P1 phạm tội khi chưa được xóa án tích đối với bản án số 123/2022/HS-ST ngày 14/7/2022 của TAND huyện Trảng Bom về tội “*Đánh bạc*”. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét quyết định hình phạt đối với 02 bị cáo T9 và P1 là ngang nhau.

[4.2] Các bị cáo T9, T10 đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo P1, H1 đều phạm tội khi chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Riêng đối với bị cáo T10 phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt. Ngoài ra, hành vi phạm tội của bị cáo T10 thuộc trường hợp phạm tội chưa đạt nên mức

hình phạt tù không quá $\frac{3}{4}$ mức phạt tù mà điều luật quy theo Điều 15 và Điều 57 Bộ luật hình sự.

[5] *Về xử lý vật chứng:*

[5.1] Đối với 01 tủ lạnh hiệu Panasonic (M: NR-BA229, màu đen) và 01 máy giặt hiệu Toshiba (Model: AW-K1005FV, màu đen) là tài sản hợp pháp của bà Đỗ Thị P, nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T đã trả lại cho chủ sở hữu là đúng quy định pháp luật;

[5.2] Đối với 01 xe mô tô hiệu Quicknewwave C110 biển số 60K4-1494, số máy LC150FMG01301359, số khung LWGXCHL01305701 trả lại cho ông Nguyễn Văn T6 là phù hợp;

[5.3] Đối với 01 xe mô tô hiệu Xiongshi C110 biển số 51S6-8917, số máy: 1P52FMH018012, số khung CDGWCH013DG018012 trả lại cho ông Trần Văn T8 là phù hợp;

[5.4] Đối với 01 xe đạp điện màu đỏ (đã qua sử dụng) là tài sản của Ngô Công T9 không sử dụng vào việc phạm tội, nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T trả lại cho bị cáo Ngô Công T9 nên không xem xét, xử lý;

[5.5] Đối với 01 điện thoại di động hiệu SamSung J2, màu trắng (không có sim) và 01 điện thoại di động hiệu Nokia màu vàng có gắn sim; 01 căn cước công dân mang tên Phan Đức H1 không sử dụng vào việc phạm tội, nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T trả lại cho bị cáo Phan Đức H1 là đúng quy định.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại – bà Đỗ Thị P đã nhận lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp (BL 272), không có yêu cầu gì khác về phần dân sự; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Nguyễn Văn T6 và ông Trần Văn T8 đã nhận lại tài sản (BL 271, 273) và không yêu cầu nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] *Về án phí:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[8] *Về các vấn đề khác:*

[8.1] Đối với bị cáo Phan Đức H1 và Nguyễn Viết T10 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại xã B, huyện T, nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính là đúng quy định pháp luật.

[8.2] Đối với bị cáo Ngô Công T9 và Nguyễn Văn P1 có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy tại Bệnh viện Đ thuộc phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai, nên Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện T ra Thông báo đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố B, tỉnh Đồng Nai để xử lý theo thẩm quyền là phù hợp.

[8.3] Đối với ông Vũ Văn S là người lái xe ba gác biển số 61N8-3715 được bị cáo T9 thuê chở tài sản trộm cắp, ông S không biết đây là tài sản do trộm cắp mà có, nên không xem xét xử lý là có căn cứ pháp luật.

[9] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom về tội danh, hình phạt, xử lý vật chứng và án phí phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận. Riêng đề nghị về hình phạt đối với bị cáo H1 và T10 chưa phù hợp với tính chất, mức độ thực hiện hành vi của từng bị cáo nên không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Ngô Công T9 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo **Ngô Công T9 01 (một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 21/6/2023.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Văn P1 01 (một) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 21/6/2023.

- Căn cứ khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Phan Đức H1 phạm tội “*Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Xử phạt bị cáo **Phan Đức H1 09 (chín) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 21/6/2023.

- Căn cứ Điều 15; khoản 1 Điều 323; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 54; Điều 57; khoản 5 Điều 328 Bộ luật hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Viết T10 phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Viết T10 04 (bốn) tháng 09 (chín) ngày tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 21/6/2023.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Nguyễn Viết T10, nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Buộc các bị cáo Ngô Công T9, Nguyễn Văn P1, Phan Đức H1 và Nguyễn Viết T10, mỗi người phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Báo cho các bị cáo và ông T6 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bà P và ông T8 vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo; đương sự;
- VKSND h.Trảng Bom;
- VKSND t. Đồng Nai;
- Công an h.Trảng Bom;
- Nhà tạm giữ - CA h. Trảng Bom;
- Trại giam B5 – CA t.Đồng Nai;
- CC.THADS h.Trảng Bom;
- UBND xã (phường) nơi các b/c cư trú;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(đã ký tên và đóng dấu)

Đỗ Thùy Dung